

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2025/DS-ST
Ngày 30 - 9 - 2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – BẮC NINH**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Trọng Khôi

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Vinh

Ông Nguyễn Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Tĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Linh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 tháng 9 năm 2025 và ngày 30 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 64/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2025 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2025/QĐXXST-DS ngày 28/7/2025, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 25/2025/QĐST-DS ngày 12/9/2025. Thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số: 13/TB-TA ngày 26/9/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Vũ Xuân C, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Thôn T, xã N, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Nay là thôn T, xã Ngọc Thiệu, tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn anh Vũ Xuân C: Ông Ngô Thế Hưng, ông Nguyễn Văn Độ đều là Luật sư, Văn phòng luật sư Cao Đức, đoàn luật sư tỉnh Bắc Ninh. Địa chỉ: Số nhà 133, đường Lê Lợi, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh (ông Hưng có mặt ngày 12/9/2025, ông Độ có mặt ngày 30/9/2025).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Thôn L, xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Nay là thôn L, xã Mỹ Thái, tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Vũ Xuân C trình bày:* Anh với anh T là quan hệ quen biết, ngày 05/9/2024 anh T có vay của anh 350.000.000đ. Khi vay tại nhà anh, anh T đã nhận đủ tiền và tự tay viết giấy vay tiền, hẹn đến ngày 05/11/2024 anh T sẽ trả anh số tiền trên. Khi vay không thoả thuận lãi suất, nguồn gốc số tiền 350.000.000đ anh cho anh T vay là tiền của cá nhân anh, không phải

tiền của vợ con anh. Anh không biết số tiền vay này anh T sử dụng vào mục đích gì. Đến hạn anh T không trả, anh có gọi điện và đến nhà đòi nhiều lần nhưng anh T không trả. Nay anh đề nghị Toà án buộc anh T phải có trách nhiệm trả anh 350.000.000đ tiền gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật là 10%/năm kể từ ngày 01/12/2024 đến ngày xét xử vụ án.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn T, mặc dù đã được Tòa án thông báo thụ lý, giao, niêm yết các thủ tục tố tụng khác theo đúng quy định của pháp luật, nhưng anh T vẫn không phối kết hợp để làm việc.

Tại phiên tòa ngày 12/9/2025: Anh C có mặt, giữ nguyên yêu cầu trên. Anh T có mặt trình bày: Anh và chị M vợ anh C có quen biết làm ăn với nhau, tin tưởng nhau. Giữa anh và vợ chồng anh C thường xuyên cho nhau vay mượn tiền chuyển khoản cho nhau một vài trăm triệu là bình thường. Ngày 05/9/2024 tại nhà anh C, anh và anh C thỏa thuận sau 1 hoặc 2 ngày anh C phải chuyển khoản cho chị D (tức D) ở xã Dĩnh kế 350.000.000đ, thì anh sẽ là người đứng ra trả anh C 350.000.000đ. Việc thỏa thuận với anh C này đã được ghi âm lại bằng máy điện thoại của chị D, khi đó có anh B là người chứng kiến. Anh không nhớ rõ họ tên, năm sinh, địa chỉ cụ thể của anh B và chị D, nhưng anh với anh B, chị D là những người thân quen thường xuyên làm ăn cùng với nhau, anh sẽ có trách nhiệm cung cấp rõ họ tên, năm sinh, địa chỉ cụ thể của anh B, chị D và bản gốc ghi âm cho Toà án, nếu không cung cấp được anh sẽ tự chịu trách nhiệm trước pháp luật. Sau khi thỏa thuận với anh C về việc anh C chuyển 350.000.000đ cho chị D xong, cùng ngày 05/9/2024 anh đã tự tay viết cho anh C 01 “Giấy vay tiền” nội dung anh vay anh C 350.000.000đ, như bản gốc “Giấy vay tiền” ngày 05/9/2025 được lưu trong hồ sơ là đúng, tự tay anh viết và tự tay anh ký, nhưng thực tế anh không nhận tiền vay của anh C. Nhưng sau đó anh C không chuyển tiền cho chị D, nên anh không trả tiền cho anh C. Nay anh C khởi kiện đòi số tiền gốc trên và lãi suất anh không đồng ý, vì lý do anh không vay, nên anh không trả. Đề nghị Toà án triệu tập những người làm chứng đến phiên tòa để làm rõ nội dung sự việc.

Tại lời khai ngày 20/9/2025 anh T trình bày: Trước đó anh T và chị Mai có làm ăn chung với nhau, anh T vẫn còn “động lại” của chị M 350.000.000đ tiền làm ăn chung hiện lúc đó chưa lấy được. Nên khi đó anh T, chị D, vợ chồng anh C, chị M thỏa thuận, anh T viết giấy vay tiền của anh C, để trong vòng một vài ngày anh C trả tiền cho chị D 350.000.000đ, thì anh T sẽ nhận trả cho anh C số tiền 350.000.000đ theo như giấy vay tiền đã viết ngày 05/9/2024.

Tại phiên tòa ngày 30/9/2025 anh C có mặt giữ nguyên yêu cầu trên và trình bày thêm: Anh cho anh T vay 350.000.000đ bằng tiền mặt, không liên quan gì đến việc chị M vợ anh cho anh T vay 450.000.000đ bằng chuyển khoản. Anh T có mặt giữ nguyên yêu cầu trên và trình bày thêm: Quá trình làm ăn chung, chị M có góp vốn cho anh 450.000.000đ bằng chuyển khoản, trong đó có một mã chị M chuyển cho anh 150.000.000đ, một mã chị M chuyển cho anh 100.000.000đ và một mã chị M chuyển cho anh 200.000.000đ, tổng cộng chị M đã chuyển khoản cho anh 450.000.000đ. Anh đã chuyển khoản trả chị M được 200.000.000đ.

Ý kiến luật sư Ngô Thế Hưng tại phiên tòa ngày 12/9/2025: Căn cứ Giấy vay tiền ngày 05/9/2024 có đủ căn cứ xác định anh T có vay của anh C, hiện còn nợ chưa thanh toán. Đề nghị Tòa án buộc anh T phải có trách nhiệm trả anh C 350.000.000đ tiền gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật là 10%/năm kể từ ngày 01/12/2024 đến ngày xét xử vụ án.

Ý kiến luật sư Nguyễn Văn Độ tại phiên tòa ngày 30/9/2025, Giấy vay tiền ngày 05/9/2024 có đủ căn cứ xác định anh T có vay của anh C. Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh C.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, Thẩm phán được phân công giải quyết, các đương sự trong suốt quá giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay anh C, anh T đều có mặt. Hướng đề xuất: Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật. Đề nghị căn cứ các Điều 26, 35, 147, 227, 228, 235, 264, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội. Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015. Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Xuân C. Buộc anh Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm thanh toán trả anh Vũ Xuân C 350.000.000đ tiền gốc và 29.069.000đ tiền lãi suất. Tổng cộng cả gốc và lãi suất là 379.069.000đ (ba trăm bảy chín triệu không trăm sáu chín nghìn đồng). Ngoài ra còn đề nghị xử lý tiền án phí, tuyên lãi suất chậm thanh toán, việc thi hành án và quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, phạm vi khởi kiện, thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn anh Vũ Xuân C, khởi kiện đòi tiền cho vay đối với anh Nguyễn Văn T. Nơi cư trú: Thôn L, xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Nay là thôn L, xã Mỹ Thái, tỉnh Bắc Ninh. Nội dung: Theo giấy vay tiền do anh C xuất trình, thì anh C có cho anh T vay 350.000.000đ. Nay anh C yêu cầu anh T phải trả cho anh C 350.000.000đ tiền gốc và lãi suất 10%/năm, kể từ ngày 01/12/2024 đến ngày xét xử vụ án. Như vậy xác định được đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vay tài sản, phạm vi khởi kiện là đòi lại tiền gốc và lãi suất, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội.

[1.2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay anh C, anh T đều có mặt. Nên HĐXX căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Xuất phát từ quan hệ quen biết nên ngày 05/9/2024 anh Vũ Xuân C có cho anh Nguyễn Văn T vay 350.000.000đ. Khi vay có viết giấy biên nhận, thoả thuận ngày 05/11/2024 anh T sẽ trả anh C số tiền trên. Nguồn tiền anh C cho anh T vay là do anh C đi vay của người khác về để cho anh T vay. Đến hạn anh C đòi nhiều lần nhưng T không trả. Phía anh T thừa nhận, anh T chưa trả anh C một đồng nào theo giấy biên nhận trên. Nay anh C yêu cầu cá nhân anh T phải thanh toán trả anh C 350.000.000đ tiền gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật là 10%/năm kể từ ngày 01/12/2024 đến ngày xét xử vụ án là có căn cứ.

[2.2] Về yêu cầu đòi tiền nợ gốc:

[2.2.1] Số tiền gốc anh C cho anh T vay 350.000.000đ, phù hợp với bản gốc “Giấy vay tiền” đề ngày 05/9/2024 do anh C xuất trình, có chữ ký xác nhận của anh Nguyễn Văn T dưới mục “Người vay”, chữ ký xác nhận của anh Vũ Xuân C dưới mục “Người cho vay”, chữ ký xác nhận của anh Giáp Văn B dưới mục “Người làm chứng”. Anh T thừa nhận tự tay anh T viết giấy vay tiền này và ký nhận vào giấy này không bị ai ép buộc gì, các bên đều điểm chỉ ngón tay của mình bằng mực màu đỏ.

[2.2.2] Trong giấy vay tiền đã ghi rõ: “Số tiền là 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng) Tôi đã nhận đủ tiền và viết giấy làm bằng chứng và hẹn đến ngày 5/11/2024 (dương lịch) tôi trả anh C. Nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm với anh C và pháp luật”. Quá trình giải quyết vụ án ban đầu anh T không phối kết hợp để làm việc, tại các phiên toà anh T có mặt đều xác nhận: “Ngày 05/9/2024 tại nhà anh C, anh và anh C thoả thuận sau 1 hoặc 2 ngày anh C phải chuyển khoản cho chị D (tức D) ở xã Đình ké 350.000.000đ, thì anh sẽ là người đứng ra trả anh C 350.000.000đ. Việc thoả thuận với anh C này đã được ghi âm lại bằng máy điện thoại của chị D, khi đó có anh B là người chứng kiến. Anh không nhớ rõ họ tên, năm sinh, địa chỉ cụ thể của anh B và chị D, nhưng anh với anh B, chị D là những người thân quen thường xuyên làm ăn cùng với nhau, anh sẽ có trách nhiệm cung cấp rõ họ tên, năm sinh, địa chỉ cụ thể của anh B, chị D và bản gốc ghi âm cho Toà án, nếu không cung cấp được anh sẽ tự chịu trách nhiệm trước pháp luật. Sau khi thoả thuận với anh C về việc anh C chuyển 350.000.000đ cho chị D xong, cùng ngày 05/9/2024 anh đã tự tay viết cho anh C 01 “Giấy vay tiền” nội dung anh vay anh C 350.000.000đ, như bản gốc “Giấy vay tiền” ngày 05/9/2025 được lưu trong hồ sơ là đúng, tự tay anh viết và tự tay anh ký, nhưng thực tế anh không nhận tiền vay của anh C. Nhưng sau đó anh C không chuyển tiền cho chị D, nên anh không trả tiền cho anh C”. HĐXX xét thấy, anh T không đưa ra được chứng cứ nào xác định có việc anh C ép buộc anh T viết giấy biên nhận này. Anh T không đưa ra được chứng cứ nào xác định có việc anh T thoả thuận với anh C về việc anh C chuyển tiền trả chị D 350.000.000đ thì anh T mới trả anh C 350.000.000đ theo giấy biên nhận này. Anh T không đưa ra được chứng cứ nào xác định anh T không nhận tiền của anh C. Anh T thừa nhận là anh T chưa trả anh C số tiền như trên. Do vậy yêu cầu khởi kiện đòi tiền nợ gốc 350.000.000đ của anh C đối với cá nhân anh Th là có căn cứ, phù hợp Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015 cần chấp nhận.

[2.3] Về yêu cầu đòi tiền lãi suất: Anh C xác định khi vay các bên không thoả thuận lãi suất, đến hạn anh C đã gọi điện và trực tiếp sang đòi nhiều lần nhưng anh T không trả. Quá trình giải quyết vụ án ban đầu anh Nguyễn Văn T không phối kết hợp để làm việc, không cung cấp tài liệu chứng cứ. Tại các phiên toà anh T có mặt đều cho rằng, anh T chỉ viết giấy vay tiền như vậy chứ không được nhận tiền vay từ anh C, nên anh T không đồng ý trả tiền gốc và lãi suất cho anh C. HĐXX xét thấy khi vay các bên không thoả thuận lãi suất, nhưng đã quá hạn mà anh T không trả, mặc dù anh C đã đòi nhiều lần. Nay anh C yêu cầu cá nhân anh T phải thanh toán trả anh C tiền lãi suất theo quy định của pháp luật là 10%/năm kể từ ngày 01/12/2024 dương lịch đến ngày xét xử vụ án, để tiện cho việc tính lãi suất, xét là phù hợp. Lãi suất sẽ được áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, lãi suất được tính cụ thể như sau:

[2.3.1] Từ ngày 01/12/2024 đến ngày 30/9/2025 là 9 tháng 29 ngày.

[2.3.2] Lãi suất cụ thể $350.000.000đ \times 10\%/năm \times 9 \text{ tháng } 29 \text{ ngày} = 29.069.000đ$.

[2.4] Từ những phân tích và nhận định trên, xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Xuân C. Buộc anh Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm thanh toán trả anh Vũ Xuân C 350.000.000đ tiền gốc và 29.069.000đ tiền lãi suất. Tổng cộng cả gốc và lãi suất là 379.069.000đ (ba trăm bảy chín triệu không trăm sáu chín nghìn đồng). Xét là phù hợp Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự 2015.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh là có căn cứ, nên cần được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên anh Nguyễn Văn T phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo pháp luật. Hoàn trả anh Vũ Xuân C tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 147, 227, 228, 235, 264, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội. Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015. Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Xuân C. Buộc anh Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm thanh toán trả anh Vũ Xuân C 350.000.000đ tiền gốc và 29.069.000đ tiền lãi suất. Tổng cộng cả gốc và lãi suất là 379.069.000đ (ba trăm bảy chín triệu không trăm sáu chín nghìn đồng).

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 18.953.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả anh Vũ Xuân C 4.500.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003879 ngày 15/4/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang. Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Bắc Ninh.

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành, mà người phải thi hành án không thi hành, hoặc thi hành chưa xong; thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy

định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 4 – Bắc Ninh;
- Phòng THADS khu vực 4 – Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Thân Trọng Khôi